TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN R
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2021/ HNGĐ - ST
Ngày 23 - 8-2021
Về việc "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN R, TỈNH QUẢNG NGÃI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Bà Lê Thị Diếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tấn Thương.
2. Bà Trịnh Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Tiến Dũng - Thư ký Toà án nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi *tham gia phiên tòa*: Bà Võ Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện R, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/ 2021/TLST- HNGĐ ngày 20/4/2021 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2021/QĐXXST - HNGĐ, ngày 20/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06/8/2021 của Toà án nhân dân huyện R, giữa các đương sự*:*

Nguyên đơn: Chị Võ Thị T, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Thôn Q, xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M - sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh M vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị T trình bày:

Chị T và anh M tự nguyện tìm hiểu rồi đến với nhau. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi vào năm 1995. Quá trình chung sống giữa chị và anh M xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh M nhậu nhẹt rồi về nhà đánh đập vợ con. Từ năm 2006 đến nay chị T và anh M đã sống ly thân. Chị T dẫn hai con về nhà mẹ đẻ ở E để sinh sống từ đó cho đến nay. Giữa chị và anh M không còn tình cảm, không có qua lại hỏi thăm nhau. Nay chị muốn chấm dứt cuộc hôn nhân không hạnh phúc nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn đối với anh Nguyễn Văn M.

Về con chung: Chị và M có hai con chung tên: Nguyễn Thị T1, sinh năm 1996 và Nguyễn Văn T2, sinh năm 1998. Hiện nay hai con đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động, có gia đình riêng nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện R đã nhiều lần tống đạt văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn M nhưng anh M không có lời khai, không đến Tòa để làm việc nên không hòa giải nội dung tranh chấp được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuyên xử: Giải quyết cho chị Võ Thị T ly hôn anh Nguyễn Văn M; Về con chung hai cháu đã trưởng thành chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung: trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Chị Võ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Nguyễn Văn M, anh M có nơi cư trú ở xã Đ, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị T và anh M đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi vào năm 1995, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị T có yêu cầu ly hôn nên Toà án nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi đã thụ lý là đúng quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt (niêm yết) các văn bản tố tụng liên quan đến vụ án nhưng anh M không đến Tòa để làm việc, không có ý kiến trình bày gởi cho Tòa án.

Tại phiên tòa ngày 06/8/2021, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng anh Nguyễn Văn M vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 23/8/2021, anh Nguyễn Văn M vắng mặt không có lý do, chị T vắng mặt và có

đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị T và anh M đã không chung sống với nhau từ năm 2006 cho đến nay. Qua xác minh, ông Chánh, bà Vân là cha mẹ đẻ của anh M cũng trình bày chị T và anh M đã không chung sống với nhau từ năm 2006 đến nay. Hiện nay anh M đang chung sống tại Đ với vợ chồng ông Chánh còn chị T sống ở E. Tài sản chung, nợ chung không có, con cái đã lớn.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị T cương quyết ly hôn. Anh M không có văn bản trả lời cho Tòa án cũng như không có thái độ hợp tác hòa giải để đoàn tụ.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh M đã trầm trọng, không quan tâm, chăm sóc đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị Võ Thị T yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giải quyết cho chị Võ Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn M là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Chị T và anh M có hai con chung nhưng hiện nay các cháu đã trên 18 tuổi và có khả năng lao đông, đã có gia đình riêng. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Võ Thị T trình bày về tài sản chung và về nợ chung không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R về việc giải quyết về vấn đề hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung giữa chị Võ Thị T và anh Nguyễn Văn M phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227; Điều 260, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị T.

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Võ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng mà chị đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2016/0004747 ngày 19/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R, tỉnh Quảng Ngãi, chị T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện R;
- Chi cục THADS huyện R;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Lê Thị Diếu